CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Thống Nhất Hà Nội

Ngày 31/03/2025	11,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.8%	**-**	**33.7%**

DT thuần
Q1/25
28.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.9| -44.8%

LN thuần
Q1/25
-0.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.24| 39.3%

LN sau thuế
Q1/25
-0.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20| 35.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
2.0%
YoY: +/-▲ 1.5%

ROE (TTM)
Q1/25

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,900 - 48,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	282
Số lượng CPLH (CP)	23,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,495
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	5.32
EPS	
P/E	

DT thuần
2024
183
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 3.5%

LN thuần
2024
4.95
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.64| 49.4%

LN sau thuế
2024
4.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.68| 64.0%

Cơ cấu sở hữu

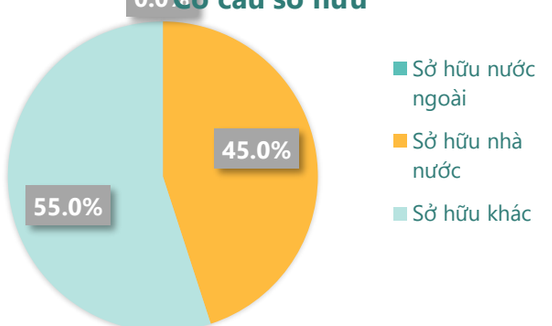

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

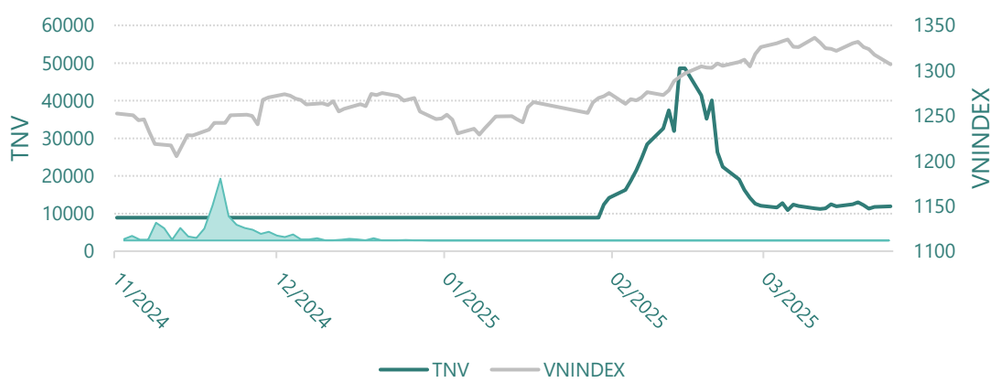

Cơ cấu cổ đông

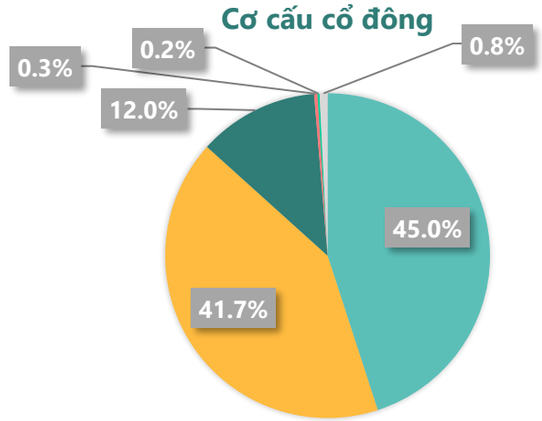

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

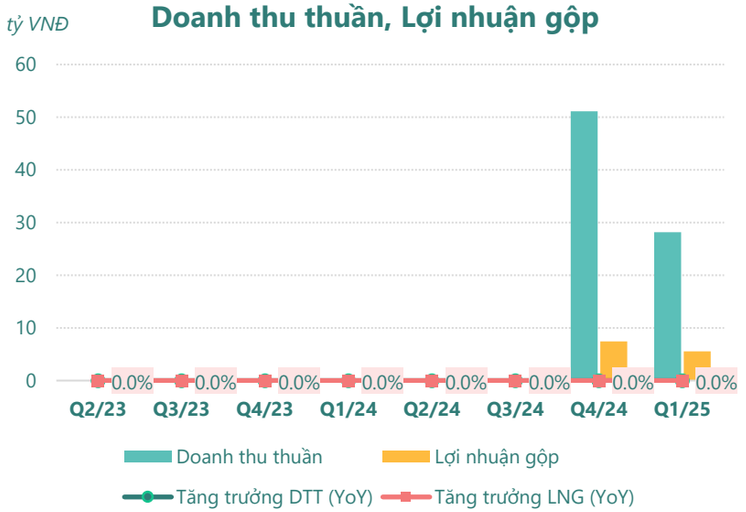

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

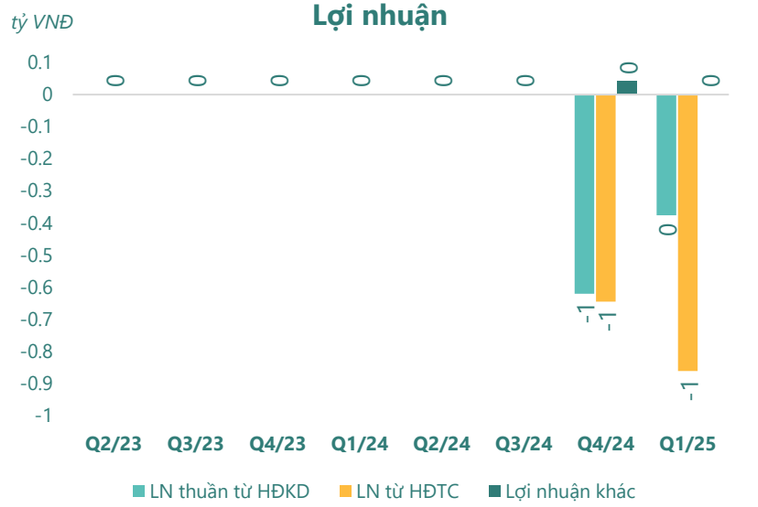

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

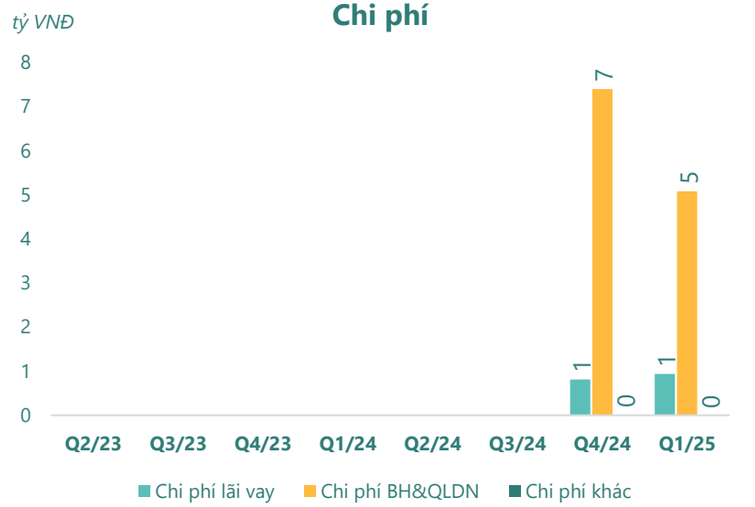

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

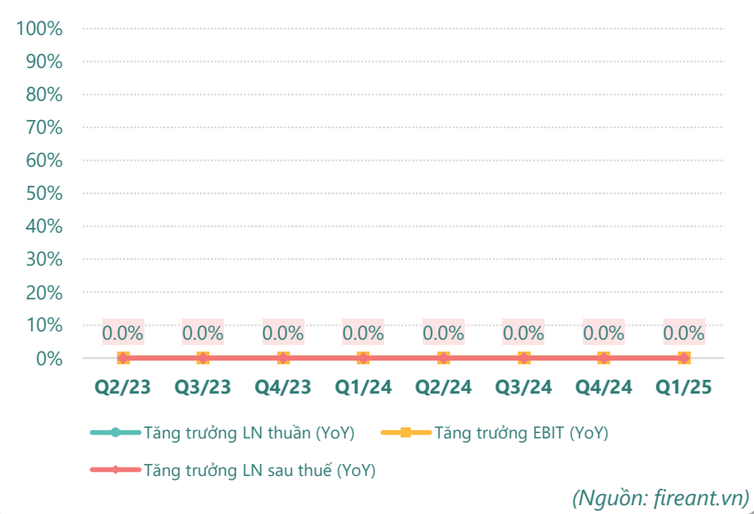

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

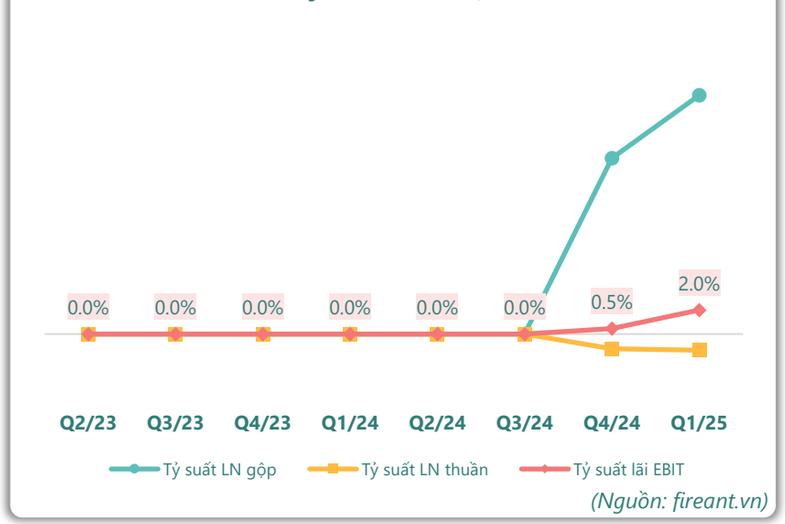

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

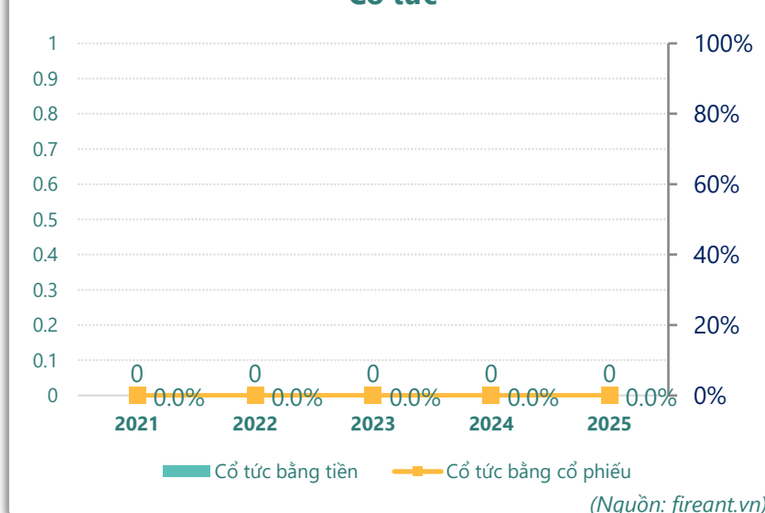

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

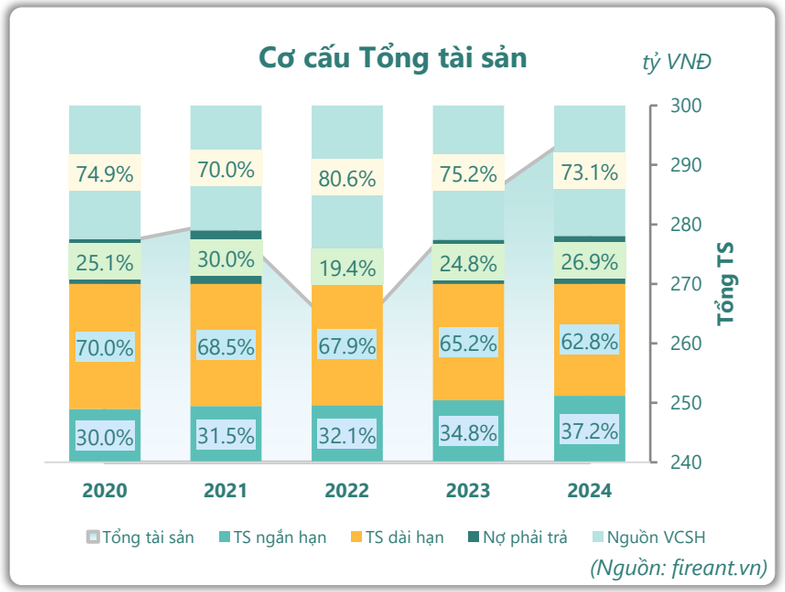

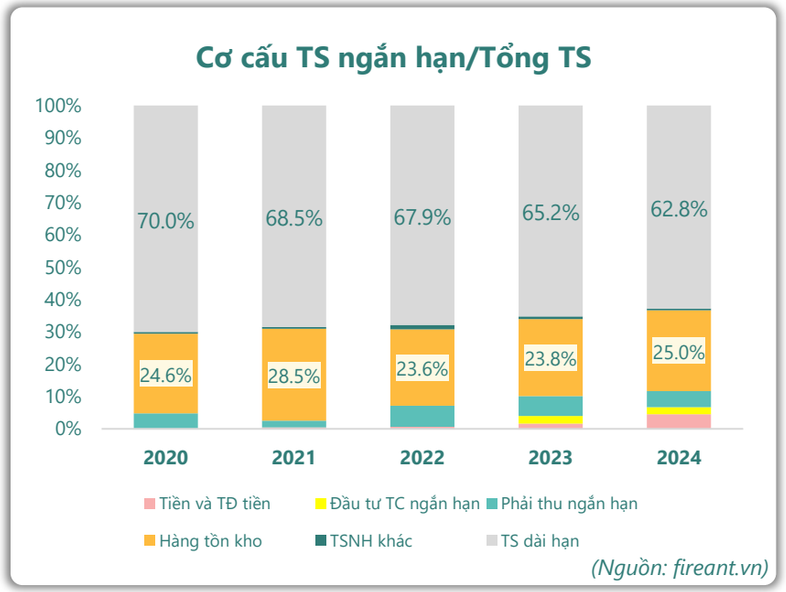

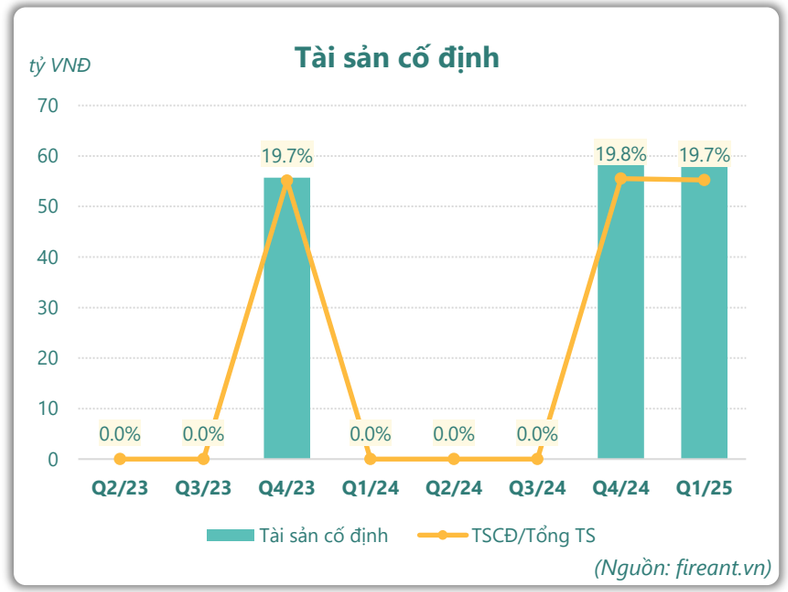

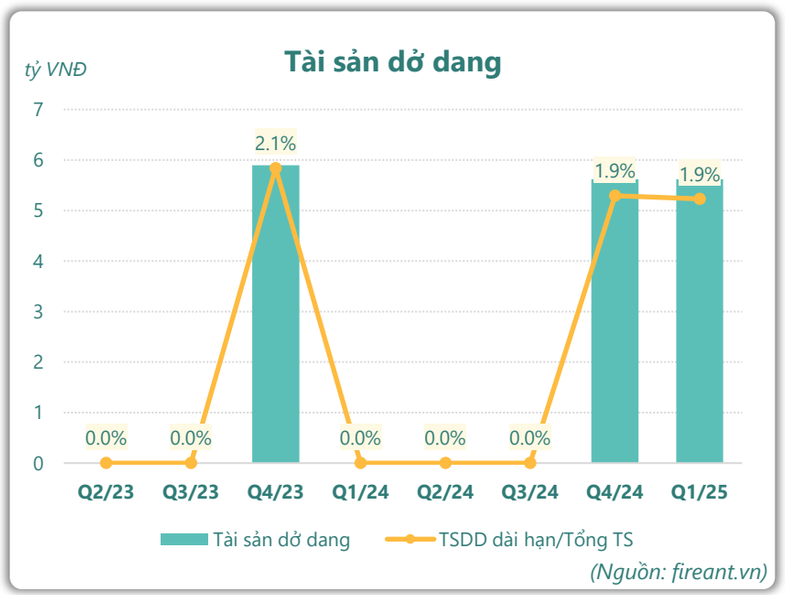

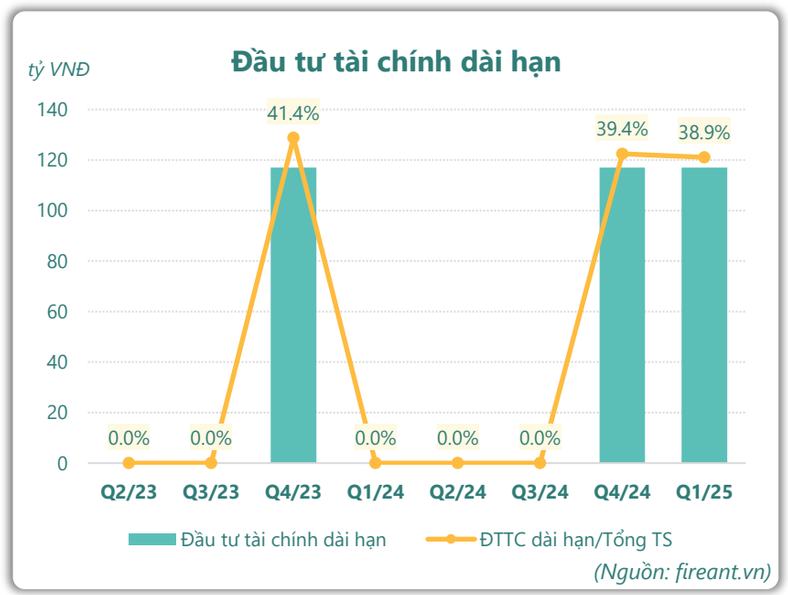

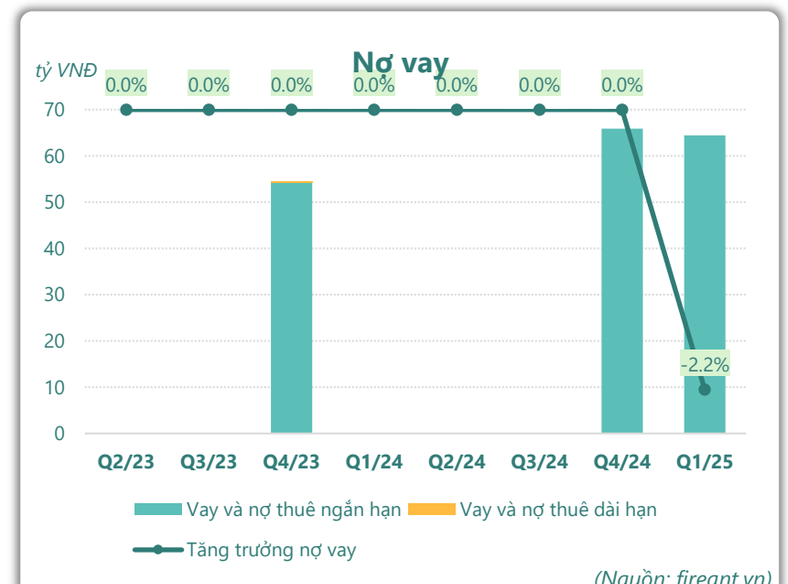

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

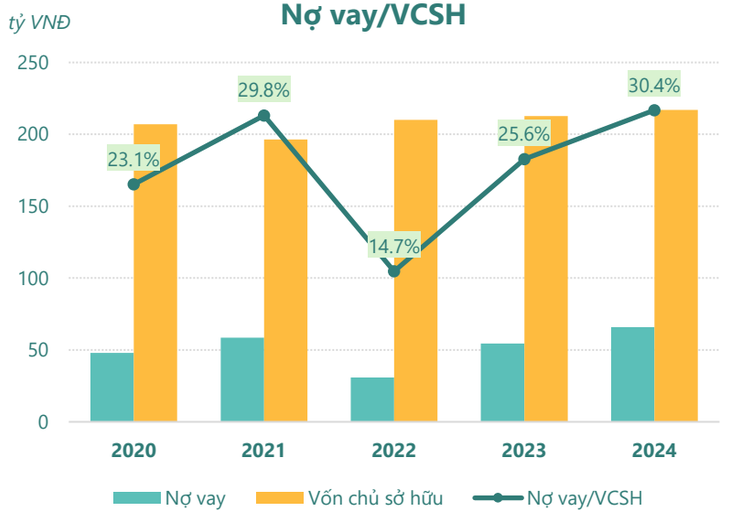

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

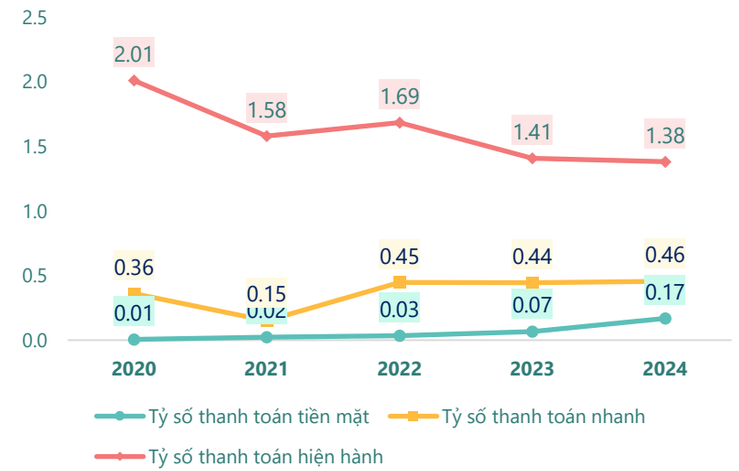

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

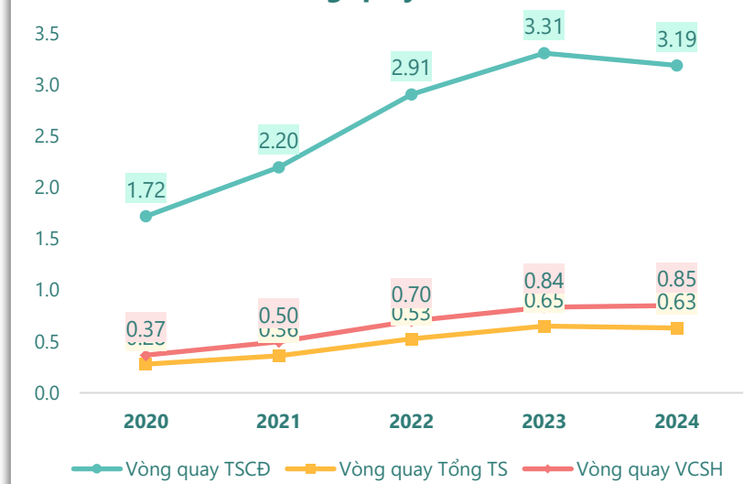

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

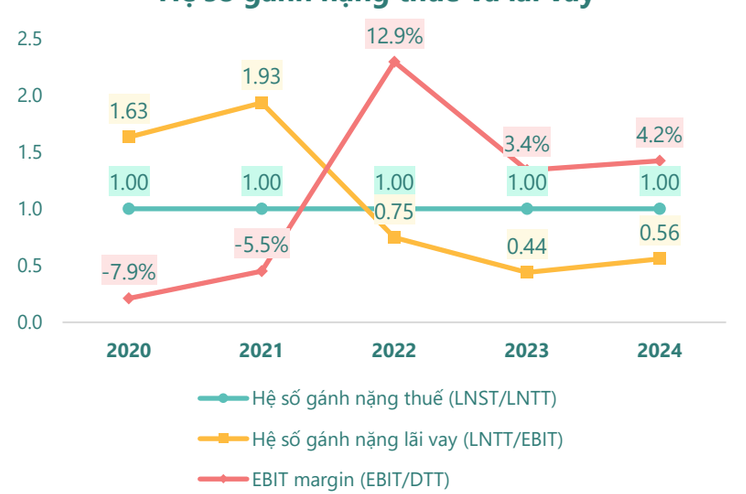

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

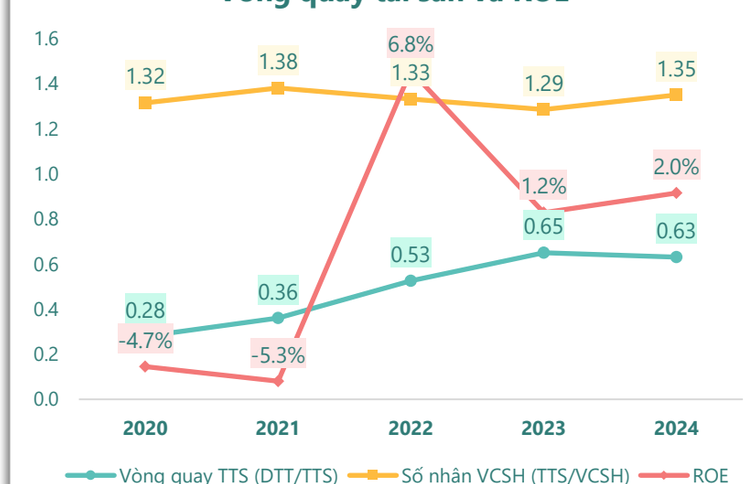

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

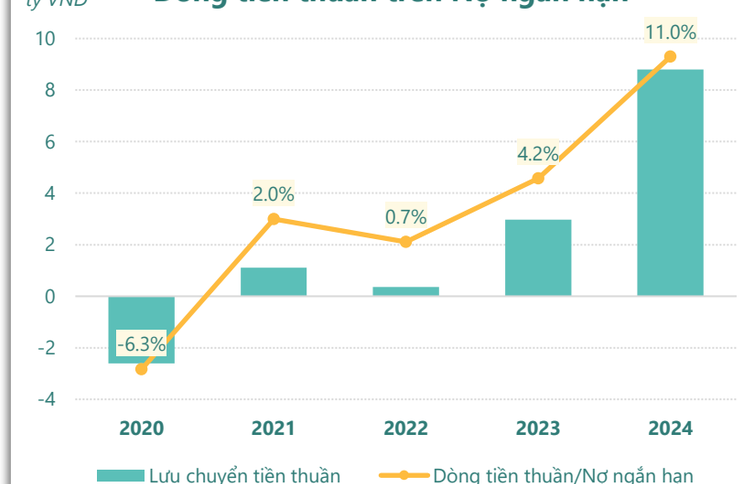

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**28.2**			**183**	**177**	**3.5%**
Giá vốn hàng bán	22.6			150	148	1.7%
Lợi nhuận gộp	5.57			32.4	28.8	12.6%
Doanh thu HĐTC	0.07			0.53	0.31	70.2%
Chi phí TC	0.94			3.42	3.37	1.4%
Chi phí lãi vay	0.94			3.42	3.36	1.9%
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.50			12.2	12.4	-1.9%
Chi phí QLDN	**2.58**			**12.4**	**9.95**	**24.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.38			4.95	3.31	49.4%
Lợi nhuận khác	**0**			**-0.64**	**-0.68**	**6.7%**
LN trước thuế	-0.38			4.31	2.63	64.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.38**			**4.31**	**2.63**	**64.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.38**			**4.31**	**2.63**	**64.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	-8.31
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	-1.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	-1.42
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	13.5
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-11.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	2.07

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**301**	**297**	**1.3%**
Tài sản ngắn hạn	114	111	2.9%
Tiền và tương đương tiền	2.07	13.5	-84.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.50	6.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	17.3	14.7	17.6%
Hàng tồn kho	85.6	74.1	15.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.41	1.83	31.5%
Tài sản dài hạn	**187**	**186**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	0.37	0.37	0.0%
Tài sản cố định	59.3	58.9	0.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.62	5.62	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	117	117	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**4.60**	**4.44**	**3.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	84.2	80.0	5.2%
Nợ ngắn hạn	**84.2**	**80.0**	**5.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	64.4	65.9	-2.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	7.24	76.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**217**	**217**	**-0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**217**	**217**	**-0.2%**
Vốn điều lệ	237	237	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)